

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận chuẩn đo lường dùng
trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 246/TTr-SKHCN ngày 22 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận 15 chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 cho Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng tỉnh (địa chỉ trụ sở chính: Số 01 đường Bà Triệu, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai; địa chỉ cơ sở 2: Số

98A Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điện thoại: 0256.3822322-0256.3822607; Email: qamgialai@gmail.com).

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm duy trì, bảo quản, sử dụng các chuẩn đo lường ghi tại Điều 1 theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia (để b/c);
- CT, PCT L.H.Giang;
- Sở KH&CN;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, V3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục

**DANH SÁCH CHUẨN ĐO LƯỜNG DÙNG TRỰC TIẾP
ĐỂ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 2 CỦA TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND tỉnh Gia Lai)*

TT	Tên chuẩn đo lường	Số sản xuất/ năm sản xuất/ hãng sản xuất/ nước sản xuất	Ký hiệu/ kiểu/ đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Ghi chú
1	Bình chuẩn kim loại	- Số sx: 59 - Năm sx: 2001 - Hãng sx: TT Đo lường - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Thang đo - Dung tích: 50 L - Cấp chính xác: 0,1	Kiểm định: Phương tiện đo dung tích thông dụng, Cột đo xăng dầu	
2	Bình chuẩn kim loại	- Số: 81A1-M - Năm sx: 2004 - Hãng sx: TT Đo lường - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Thang đo - Dung tích: 20 L - Cấp chính xác: 0,1		
3	Bình chuẩn kim loại	- Số sx: 59 - Năm sx: 1995 - Hãng sx: TT Đo lường - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Thang đo - Dung tích: 10 L - Cấp chính xác: 0,1		
4	Bình chuẩn kim loại	- Số sx: 47 - Năm sx: 1995 - Hãng sx: TT Đo lường - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Thang đo - Dung tích: 5 L - Cấp chính xác: 0,1		
5	Bình chuẩn kim loại	- Số sx: 59 - Năm sx: 1995 - Hãng sx: Viện Đo lường - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Thang đo - Dung tích: 20 L - Cấp chính xác: 0,1		
6	Bình chuẩn kim loại	- Số sx: L-05 - Năm sx: 2012 - Hãng sx: TBM-JSC - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Thang đo - Dung tích: 10 L - Cấp chính xác: 0,1		
7	Bình chuẩn kim loại	- Số sx: 2001 - Năm sx: 2012 - Hãng sx: Viện Đo lường - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Thang đo - Dung tích: 2 L - Cấp chính xác: 0,1		
8	Quả cân chuẩn	- Số sx: 12A19881 - Hãng sx: TTĐLVN - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Không có hốc điều chỉnh - Khối lượng: 2 kg - Cấp chính xác: F ₁	Kiểm định: Cân kỹ thuật, Quả cân	
9	Quả cân chuẩn	- Số sx: 99-J42072-2 - Hãng sx: TTĐLVN - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Không có hốc điều chỉnh - Khối lượng: 5 kg - Cấp chính xác: F ₁		
10	Quả cân chuẩn	- Số sx: 12A19879 - Hãng sx: TTĐLVN - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Không có hốc điều chỉnh - Khối lượng: 10 kg - Cấp chính xác: F ₁		
11	Bộ quả cân chuẩn	- Số sx: 11-06 - Năm sx: 2006 - Hãng sx: TTĐLVN - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: Có hốc điều chỉnh - Khối lượng: 1 kg (10 quả); 5 kg (4 quả); 10 kg (33 quả); 20 kg (1185 quả). - Cấp chính xác: M ₁	Kiểm định: Cân đĩa, Cân đồng hồ lò xo, Cân treo dọc thép-lá đề, Cân bàn,	

				Cân treo móc cầu, Cân ô tô	
12	Chuẩn đo lường lưu động kiểm định Taximet TC 1-2001	- Số sx: 064-2011 - Năm sx: 2011 - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: TC1-2001 - Phạm vi đo quãng đường: (0,1÷999,999) km - Phạm vi đo thời gian: Không giới hạn - Độ chính xác: $\leq 0,5 \%$	Kiểm định Taximet	
13	Chuẩn dùng để kiểm định phương tiện đo điện tim	- Số sx: TB081ĐT - Năm sx: 2019 - Nơi sx: Viện ĐLVN - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: EECV-01 - Tần số: (0,01 ÷ 999) Hz - Điện áp: (0,01 ÷ 16) mV - Sai số lớn nhất cho phép: $\pm 1 \%$	Kiểm định Phương tiện đo điện tim	
14	Chuẩn dùng để kiểm định phương tiện đo điện não	- Số sx: TB081ĐN - Năm sx: 2019 - Nơi sx: Viện ĐLVN - Nước sx: Việt Nam	- Kiểu: EEEV-01 - Tần số: (0,01 ÷ 999) Hz - Điện áp: 0,1 μ V ÷ 2,4 mV - Sai số lớn nhất cho phép: $\pm 1 \%$	Kiểm định Phương tiện đo điện não	
15	Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều 3 pha	- Số sx: S2093 - Năm sx: 2025 - Nước sx: Trung Quốc	- Kiểu: ME32 - Điện áp: 3 x (0 ÷ 456) V - Dòng điện: 3 x (0 ÷ 120) A - Tần số: 45Hz÷65Hz - Cấp chính xác thiết bị: 0,05 - Góc lệch pha: (0÷360°) - Kiểu công tơ chuẩn SYS- 320	Kiểm định Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha kiểu cảm ứng và điện tử	